TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀNG SU PHÌ** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2024/HNGĐ - ST
Ngày 23-7-2024
V/v: "Không công nhận
vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khuyên
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Triệu Tiến Quang
- Bà Hoàng Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nhất- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Kha- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXX-ST, ngày 17 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 05/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Triệu Mùi L, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh H. Căn cước công dân số 002182000528 (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Triệu Chàn P, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh H. Căn cước công dân số: 002078000517 (đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Triệu Mùi L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Mùi L và anh Triệu Chàn P có chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến nay. Trong suốt quá trình chung sống từ 1998 đến nay, chị L và anh P không đi đăng ký kết hôn theo quy định. Anh Triệu Chàn P là người dân tộc Nùng lấy chị L là người dân tộc Dao và đi ở rể theo phong tục tập quán của người dân tộc Dao, hai anh chị có nhà riêng và đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh H. Trong cuộc sống chung giữa chị L

và anh P có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P là người nóng tính nên mỗi khi uống rượu say về là đánh đập, mắng chửi chị L và đập đồ của gia đình dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc. Từ khi xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình khuyên bảo, chính quyền thôn bản hòa giải nhiều lần nhưng không khắc phục được. Chị L nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên xin ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị L và anh P có hai con chung tên là Triệu Chàn T sinh ngày 14/5/1999 và Triệu Lao L; sinh ngày 25/9/2000. Các con đã trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập trong cuộc sống nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Triệu Tràn Phú đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong tất cả các thủ tục tại Tòa án và không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án.

Tòa án tiến hành xác minh tại thôn T, xã Hvà Ủy ban nhân dân xã H, huyện H cho thấy: chị Triệu Mùi L và anh Triệu Chàn P có chung sống như vợ chồng nhưng không ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị Triệu Mùi L và anh Triệu Chàn P có chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến nay và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã H. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và có đề nghị chính quyền thôn giải quyết nhiều lần sau đó vợ chồng vẫn chung sống với nhau nhưng thời gian gần đây thì lại xảy ra mâu thuẫn nhưng gia đình không đề nghị đến thôn và xã giải quyết nữa mà làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết. Về con chung, anh P và chị L có hai con chung hiện nay đã trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập trong cuộc sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Mùi L. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh P; Về con chung: Các con đã lớn đủ 18 tuổi, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết; về án phí: chị Líu được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Triệu Mùi L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Triệu Chàn P nên đã được Tòa án thụ lý với quan hệ tranh chấp "Ly hôn". Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án xác định chị Triệu Mùi L và anh Triệu Chàn P không đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án này là "Không công nhận quan hệ vợ chồng". Chị Triệu Mùi L và anh Triệu Chàn P đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh H nên căn cứ theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang. Anh Triệu Chàn P dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Chị Triệu Mùi L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Triệu Mùi L và anh Triệu Chàn P khi chung sống với nhau vào năm 1998 thì chị Triệu Mùi L chưa đủ tuổi kết hôn. Quá trình chung sống từ thời điểm chị L là người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình đến nay thì anh P và chị L vẫn không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, việc chung sống giữa chị L và anh P không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét về tình trạng mâu thuẫn của chị L và anh P. Từ khi sống chung như vợ chồng từ năm 1998 đến nay, chị L và Phú phát sinh nhiều mâu thuẫn. Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là các bản cam đoan của anh P đã viết thấy rằng anh P có chửi mắng vợ, đập phá tài sản gia đình, nguyên nhân là do anh P là người nóng tính. Chị L trình bày rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã với nhau, mâu thuẫn kéo dài trầm trọng là có căn cứ. Nay chị L có yêu cầu ly hôn với anh P. Hội đồng xét xử thấy rằng cần căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, không công nhận quan hệ giữa chị Triệu Mùi L và anh Triệu Chàn P là vợ chồng. Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định. "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng..."

[3] Về con chung: Chị L và anh P có hai con chung tên là Triệu Chàn T bsinh ngày 14/5/1999 và cháu Triệu Lao L; sinh ngày 25/9/2000 hiện nay các con đã lớn, trưởng thành đủ 18 tuổi và có sức khỏe tự lập được trong cuộc sống, chị L không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L và anh P không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Triệu Mùi L là người dân tộc Dao có hộ khẩu thường trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Chị L được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 238; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Mùi L. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Mùi L và anh Triệu Chàn P.

2. Về con chung: Hai con chung của chị L và anh P là Triệu Chàn T, sinh ngày 14/5/1999 và Triệu Lao L, sinh ngày 25/9/2000 đều đã trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập trong cuộc sống, không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Triệu Mùi L được miễn án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện HSP;
- VKSND tỉnh Hà Giang
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện HSP;
- UBND xã Hồ Thầu, huyện HSP;
- Lưu HS-BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Khuyên

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện HSP;
- VKSND tỉnh Hà Giang
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện HSP;
- UBND xã Hồ Thầu, huyện HSP;
- Lưu HS-BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Khuyên